TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2017/HNGĐ - ST
Ngày 28-12-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đỗ Huy Hoàng
Ông Trần Đăng Khoa
- Thư ký Tòa án: Ông Lương Khánh Sơn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 175/2017/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2430/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn*: Anh Ngô N, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Cái Tắt, xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng; có mặt

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn T, sinh năm 1984; hiện cư trú: Số 308 Keystone Cres, Hannon, Ontario LOR 1P0, Canada; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai tại Tòa án của nguyên đơn anh Ngô N trình bày: Anh và chị Nguyễn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng vào ngày 08/6/2012. Thời gian đầu vợ chồng sống tại Việt Nam được 1 thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn chưa được giải quyết thì đến tháng 5 năm 2016 chị Tâm sang Canada, từ đó vợ chồng sống ly thân mỗi người 1 nơi. Do xa cách về địa lý, khả năng đoàn tụ không có, bất đồng quan điểm sống, lối sống, nay xác định tình cảm không còn anh đề nghị được ly hôn với chị Tâm.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô An Na, sinh ngày 26/3/2013 và cháu Ngô Nguyễn Phúc Lâm, sinh ngày 05/10/2014. Sau khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận giao 02 con chung cho anh Nam nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn chị Nguyễn T gửi Tòa án chị trình bày thống nhất về quá trình kết hôn, lý do xin ly hôn, con chung, tài sản chung như anh Ngô N trình bày.

Vì điều kiện chị Nguyễn T hiện nay đang cư trú lao động tại nước ngoài không về Việt Nam được nên theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án không tiến hành hòa giải được; trong đơn xin ly hôn chị Nguyễn T đề nghị được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Ngô N có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn vì anh cho rằng khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Nguyễn T

Về con chung: Anh Ngô N đề nghị Tòa án giao 02 con chung là cháu Ngô An Na, sinh ngày 26/3/2013 và cháu Ngô Nguyễn Phúc Lâm, sinh ngày 05/10/2014 cho anh nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô N và chị Nguyễn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Ngô N và chị Nguyễn T cùng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Nguyễn T là bị đơn hiện đang cư trú tại Canada vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Anh Ngô N và chị Nguyễn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng vào ngày 08/6/2012, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở Việt Nam được 1 thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Khi mâu thuẫn chưa được giải quyết thì đến tháng 5 năm 2016 chị Tâm sang Canada lao động dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do xa cách địa lý, khả năng đoàn tụ không có, bất đồng quan điểm sống, lối sống, mục đích

hôn nhân không đạt được, nên anh Nam đề nghị Tòa án cho ly hôn với chị Nguyễn T là chính đáng.

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Ngô N và chị Nguyễn T mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không tồn tại, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh Ngô N.

[4] Về con chung: Anh Ngô N và chị Nguyễn T có 02 con chung là cháu Ngô An Na, sinh ngày 26/3/2013 và cháu Ngô Nguyễn Phúc Lâm, sinh ngày 05/10/2014. Sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao 02 con chung cho anh Nam nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận của anh Nam và chị Tâm là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế cả 02 cháu đang được anh Nam nuôi dưỡng. Vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao 02 con chung là cháu Ngô An Na, sinh ngày 26/3/2013 và cháu Ngô Nguyễn Phúc Lâm, sinh ngày 05/10/2014 cho anh Nam nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết

[6] Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ngô N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo anh Ngô N và chị Nguyễn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

XỬ:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô N được ly hôn chị Nguyễn T

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Ngô An Na, sinh ngày 26/3/2013 và cháu Ngô Nguyễn Phúc Lâm, sinh ngày 05/10/2014 cho anh Nam nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ chăm sóc con chung

- Về cấp dưỡng: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ngô N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010528 ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nam đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo:

+ Chị Nguyễn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

+ Anh Ngô N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã An Đồng, An Dương, Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS,VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phích

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Huy Hoàng Trần Đăng Khoa **Phạm Văn Phích**